TAND HUYỆN V H **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/HS-ST
Ngày 09 tháng 3 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V H, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Quang.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Đức Hưng và bà Nguyễn Thị Ngọc.
- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hồng Nghiêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V H, tỉnh Sơn La.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyệnV H tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trọng Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V H, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ L số: 34/2018/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2018, đối với bị cáo:

Lê Văn L, sinh năm 1986, tại Đà Bắc, Hòa Bình.

Nơi cư trú: Tiểu Khu 12, thị trấn M C, huyện M C, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn Th (đã chết) và bà Nguyễn Thị Th; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 24/8/2008 Tòa án nhân dân huyện M C, tỉnh Sơn La xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, đã chấp hành xong án phí HSST, đã chấp hành xong hình phạt ngày 13/3/2010.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 28/11/2017 cho đến nay. Có mặt.

- *Người có QLNVLQ:* Bà Nguyễn Thị Th, địa chỉ: Tiểu Khu 4, thị trấn M C, huyện M C, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 30 phút, ngày 28/11/2017, tại bản Pa Kha, xã Lóng Luông, huyện V H, tỉnh Sơn La. Tổ công tác công an huyện V H phát hiện bắt quả tang Lê Văn L điều khiển xe máy BKS 26G1 – 142.48 tàng trữ trái phép trong người chất ma túy.

Tang vật thu giữ là 01 gói nilon màu xanh, bên trong đựng chất bột màu trắng, L khai đó là Hêrôin, 01 gói nilon màu xanh, tiếp đến là nilon màu đen bên trong đựng các viên nén màu hồng, bề mặt mỗi viên đều có ký hiệu WY, L khai đó là ma túy tổng hợp (Hồng phiến). L khai nhận đã mua được của một người phụ nữ dân tộc Mông không biết tên, địa chỉ số Hêrôin với giá 300.000 đồng và Hồng phiến với giá 1.000.000 đồng trên đường dân sinh bản Co Tang, xã Lóng Luông. Sau khi mua được ma túy, L đã lấy ra sử dụng một ít, rồi gói lại cất vào túi áo khoác bên phải, điều khiển xe máy quay về đến bản Pa Kha thì bị phát hiện bắt giữ. Cơ quan điều tra cũng tạm giữ của L 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SYM, màu đỏ - trắng, loại xe Elegant, BKS 26G1 – 142.48, số máy MSACEH 047813, số khung 10MHFH 047813 đã qua sử dụng; 01 giấy đăng ký xe máy số 002665 mang tên Lê Văn L.

Cùng ngày, Tại Cơ quan điều tra tiến hành cân tịnh số ma túy thu giữ của Lê Văn L xác định được:

- Gói đựng chất bột màu trắng có trọng lượng 0,80 gam, trích 0,06 gam làm mẫu gửi giám định, ký kiệu L.

- Gói đựng các viên nén màu hồng có 20 viên, tổng trọng lượng 1,89 gam, lấy 05 viên trọng lượng 0,50 gam làm mẫu giám định ký hiệu L3.

Kết luận giám định số 44/KLMT ngày 01/12/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận *"Mẫu gửi giám định ký hiệu L là chất ma túy; Loại chất Hêrôin; Trọng lượng của mẫu gửi giám định L = 0,06 gam; Mẫu gửi giám định ký hiệu L3 là chất ma túy; Loại chất Methamphetamine; Trọng lượng của mẫu gửi giám định L3 = 0,50 gam; Tổng trọng lượng chất ma túy thu giữ được là 0,8 gam, Loại chất Hêrôin và 1,89 gam Methamphetamine"*

Cáo trạng số 05/CT – VKS ngày 29/01/2018 của VKSND huyện V H, truy tố Lê Văn L về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 điều 249 BLHS. Tại phiên tòa, kiểm sát viên đề nghị HĐXX xem xét: Tuyên bố Lê Văn L phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy

* Áp dụng điểm c khoản 1 điều 249, điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt: Lê Văn L từ 30 đến 36 tháng tù.

+ Không phạt bổ sung đối với bị cáo; áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu để tiêu huỷ: 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 0,74 gam Hêrôin, 1,39 gam Methamphetamine và vỏ gói niêm phong ban đầu. Tịch thu sung quỹ: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SYM, màu đỏ - trắng, loại xe Elegant, BKS 26G1 – 142.48, số máy MSACEH 047813, số khung 10MHFH 047813 đã qua sử dụng; 01 giấy đăng ký xe máy số 002665 mang tên Lê Văn L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Th, là mẹ đẻ, đại diện gia đình bị cáo khai: Lê Văn L đã từng bị xử phạt tù về tội ma túy, ra tù năm 2010. Sau đó phải đi cai nghiện, và mới trở lại cộng đồng năm 2015. Nhà chỉ có hai mẹ con, L suốt ngày lang thang, nhưng vì thương con, muốn con hoàn lương. Nên bà mua trả góp cho con một chiếc xe, vừa làm phương tiện kiếm sống, vừa làm phương tiện đi lại chung của hai mẹ con. Nay L phạm tội, phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Tuy nhiên, xin HĐXX xem xét trả lại cho gia đình chiếc xe để làm phương tiện kiếm sống.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Do mắc nghiện ma túy, Lê Văn L đã đến bản Co Tang, xã Lóng Luông, gặp và hỏi mua được của một người phụ nữ dân tộc Mông không biết tên, địa chỉ được 01gói Hêrôin trọng lượng 0,80 gam với giá 300.000 đồng và 01 gói Hồng phiến trọng lượng 1,89 gam với giá 1.000.000 đồng, tổng cộng 2,69 gam, mục đích về sử dụng. Trên đường quay về đến bản Pa Kha, xã Lóng Luông, huyện V H, Lê Văn L bị Tổ công tác Công an huyện V H phát hiện bắt giữ. Hành vi của bị cáo đã phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, được quy định tại điểm c khoản 1 điều 249 BLHS 2015.

[2] Tính chất hành vi của bị cáo: Hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản L độc quyền của Nhà nước về các chất ma tuý. HĐXX xét thấy, việc khởi tố, truy tố của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo đang bị tạm giam, cần tiếp tục xử phạt tù đối với bị cáo, để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Bị cáo tàng trữ 02 loại ma túy, căn cứ Thông tư liên tịch 17/2007/TTLT – BCA – VKSNDTC – TANDTC – BTP quy định xác định tỷ lệ phần trăm từng loại ma túy để làm căn cứ xử phạt bị cáo:

+ Tỷ lệ phần trăm về trọng lượng của Hêrôin so với mức tối thiểu đối với Hêrôin quy định tại điểm g khoản 2 điều 249 Bộ luật hình sự là (0,80 x 100) : 5 = 16%.

+ Tỷ lệ phần trăm về trọng lượng của Methamphetamine so với mức tối thiểu đối với Methamphetamine quy định tại điểm g khoản 2 điều 249 Bộ luật hình sự là (1,89 x 100) : 5 = 37,8%.

Như vậy, tổng tỷ lệ phần trăm về trọng lượng của hai chất ma túy Hêrôin và Methamphetamine là 16% + 37,8% = 53,8% (Dưới 100%). Do vậy, Lê Văn L đã phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, được quy định tại điểm c khoản 1 điều 249 BLHS 2015 có mức phạt tù từ 01 đến 05 năm.

[3] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, nên được xem xét cho hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS.

[4] *Về phạt bổ sung:* Xét thấy bị cáo không có tài sản có giá trị; nghiện ma tuý, Sống phụ tuộc gia đình, nên không áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]*Vật chứng của vụ án:* 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 0,74 gam Hêrôin và 1,39 gam Methamphetamine vỏ gói niêm phong ban đầu là những vật bị cấm lưu hành hoặc không có giá trị sử dụng, cần tuyên tịch thu để tiêu hủy.

01 chiếc xe máy nhãn hiệu SYM, màu đỏ - trắng, loại xe Elegant, BKS 26G1 – 142.48, số máy MSACEH 047813, số khung 10MHFH 047813 đã qua sử dụng; 01 giấy đăng ký xe máy số 002665 mang tên Lê Văn L mà bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội, là tài sản chung phục vụ cuộc sống gia đình, cần tuyên trả lại gia đình bị cáo.

[6] *Về nguồn gốc chất ma túy:* Bị cáo khai mua của một người phụ nữ dân tộc Mông, không biết tên, địa chỉ ở bản Co Tang, xã Lóng Luông, huyện V H. Không có căn cứ để xử L trong vụ án này.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 điều 249, điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự 2015;

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn L phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt: Lê Văn L 36 (Ba sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tình từ ngày 28/11/2017.

Không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về vật chứng: Áp dụng các điểm a, c khoản 1, khoản 2 điều 47 BLHS, điểm a, c khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu để tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 0,74 gam Hêrôin và 1,39 gam Methamphetamine, vỏ gói niêm phong ban đầu.

+ Trả lại gia đình bị cáo: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SYM, màu đỏ - trắng, loại xe Elegant, BKS 26G1 – 142.48, số máy MSACEH 047813, số khung 10MHFH 047813 đã qua sử dụng; 01 giấy đăng ký xe máy số 002665 mang tên Lê Văn L.

Toàn bộ Vật chứng theo biên bản giao vật chứng số: 31/BBVC ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V H

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có QLNVLQ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAT
- VKS tỉnh, huyện
- CA huyện, CQ THAHS
- Sơ TP
- Trại Giam
- Bị cáo
- Người có QLNVLQ
- Lưu HS.
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đăng Quang

Hội thẩm nhân dân	Thẩm phán – chủ tọa	Hội thẩm nhân dân
Đỗ Đức Hưng	**Nguyễn Đăng Quang**	**Nguyễn Thị Ngọc**

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử L đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử L hành chính hoặc bị xử L kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử L kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử L kỷ luật đó đã

được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)